

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

---

Tháng 03 năm 2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**

Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	7 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	10 - 11
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	12 - 13
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	14
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	15 - 53

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**

Tầng 4-5, số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 từ trang 07 đến trang 53 kèm theo.

**KHÁI QUÁT CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam, theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/12/2007, Giấy phép điều chỉnh số 49/GPĐC-UBCK ngày 14/11/2013 về thay đổi địa điểm trụ sở chính tại Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 87/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/12/2020 điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP ngày 06/12/2007 về việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Trụ sở chính đặt tại Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Tổng vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, chia thành 40.000.000 cổ phần, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn thực góp đến ngày 31/12/2020 là 400.000.000.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ chứng khoán. Theo đó, hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Cựu	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó chủ tịch
Ông Huỳnh Văn Tốt	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Văn Thiên	Trưởng ban
Ông Trần Thanh Khiết	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Hoàng Thanh Bình	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 29/12/2020
Ông Huỳnh Văn Tốt	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 29/12/2020
Bà Trần Thị Bông	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó Tổng Giám đốc	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**

Tầng 4-5, số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong trong giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 28/12/2020 là Ông Huỳnh Văn Tốt - Tổng Giám đốc Công ty, trong giai đoạn từ ngày 29/12/2020 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hoàng Thanh Bình - Tổng Giám đốc Công ty.

Kế toán trưởng của Công ty trong trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 là Bà Đỗ Thị Thanh Hoa.

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin cụ thể như sau:

- Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, Công ty áp dụng quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.
- Từ ngày 01/01/2021, Công ty áp dụng quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

**CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng Khoán BETA phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Nguyễn Văn Cự

Chủ tịch

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Thanh Bình

Tổng Giám đốc



Số: 015 /2021/UHYHCM-BCKTDL

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30 tháng 03 năm 2021, từ trang 07 đến trang 53, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty đã lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn dựa trên Báo cáo tài chính năm 2020 do các Công ty nhận đầu tư lập mà chưa được kiểm toán với tổng giá trị các khoản đầu tư gốc là 59.819.500.000 đồng (các đơn vị này không thuộc trường hợp bắt buộc phải kiểm toán theo quy định của pháp luật hiện hành, trừ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần An Phú với giá trị gốc là 8.287.500.000 đồng). Chúng tôi cũng không có cơ sở để đánh giá ảnh hưởng của các báo cáo tài chính này đến giá trị dự phòng phải trích lập bổ sung hoặc hoàn nhập theo quy định tại ngày 31/12/2020, cũng như xác định những ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác có liên quan trên Báo cáo tài chính đính kèm.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Đồng thời, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi cũng chưa thu thập được Báo cáo tài chính đến ngày 31/12/2020 của bên nhận đầu tư còn lại với giá trị khoản đầu tư gốc là 15.000.000.000.đồng. Do đó, chúng tôi không có cơ sở để xem xét giá trị dự phòng phải trích lập bổ sung hoặc hoàn nhập tại ngày 31/12/2020 theo quy định, cũng như những ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính đính kèm.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lương Ngô Bảo Trân  
Phó Giám đốc  
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số 1828-2018-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI TP. HCM**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2021*

Nguyễn Thị Tuyết Hoa  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số 3558-2021-112-1

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>283.927.014.425</b>	<b>302.839.447.153</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>	<b>110</b>		<b>283.587.677.367</b>	<b>302.444.097.716</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	23.396.366.491	72.575.354.870
Tiền	111.1		23.396.366.491	32.575.354.870
Các khoản tương đương tiền	111.2		-	40.000.000.000
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7.1	59.610.962.590	35.722.533.250
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	7.2	189.900.000.000	178.900.000.000
Các khoản cho vay	114	7.3	5.161.182.982	5.054.993.878
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	7.5	(409.502.609)	(1.057.111.612)
Các khoản phải thu	117	8	4.876.051.714	2.150.245.221
<i>Dự thu cổ tức, tiền-lãi chưa đến ngày nhận</i>	<i>117.4</i>	<i>8</i>	<i>4.876.051.714</i>	<i>2.150.245.221</i>
Trả trước cho người bán	118	8	151.500.000	249.750.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	8	900.698.949	1.733.332.109
Các khoản phải thu khác	122	8	25.785.284.763	43.734.867.513
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	9	(25.784.867.513)	(36.619.867.513)
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>	<b>130</b>		<b>339.337.058</b>	<b>395.349.437</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	10	336.337.058	392.349.437
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	11	3.000.000	3.000.000
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>123.842.262.490</b>	<b>74.288.455.158</b>
Tài sản tài chính dài hạn	210		74.566.757.347	39.758.310.487
Các khoản đầu tư	212		74.819.500.000	40.139.500.000
Đầu tư dài hạn khác	212.4	12.1	74.819.500.000	40.139.500.000
Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213	12.2	(252.742.653)	(381.189.513)
Tài sản cố định	220		11.805.890.429	4.911.127.407
Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.429.557.110	2.214.348.110
- Nguyên giá	222		9.961.296.403	9.961.296.403
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(8.531.739.293)	(7.746.948.293)
Tài sản cố định vô hình	227	14	10.376.333.319	2.696.779.297
- Nguyên giá	228		14.724.429.770	5.924.429.770
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(4.348.096.451)	(3.227.650.473)
Tài sản dài hạn khác	250		37.469.614.714	29.619.017.264
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	11	33.000.000.000	25.000.000.000
Chi phí trả trước dài hạn	252	10	307.396.693	600.648.259
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	15	4.162.218.021	4.018.369.005
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>407.769.276.915</b>	<b>377.127.902.311</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.173.119.024</b>	<b>1.660.263.401</b>
Nợ phải trả ngắn hạn	310		1.173.119.024	1.660.263.401
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	17	80.699.393	45.173.356
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		264.400.000	603.400.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	18	152.995.267	37.901.780
Phải trả người lao động	323		397.738.024	662.268.907
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		95.657.972	132.823.262
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	19	33.006.478	30.074.206
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		148.621.890	148.621.890
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>406.596.157.891</b>	<b>375.467.638.910</b>
Vốn chủ sở hữu	410	20	406.596.157.891	375.467.638.910
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	400.000.000.000
Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		400.000.000.000	400.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		400.000.000.000	400.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		657.921.000	657.921.000
Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		1.786.350.257	1.786.350.257
Lợi nhuận chưa phân phối	417		4.151.886.634	(26.976.632.347)
Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		1.045.503.390	(6.191.917.142)
Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		3.106.383.244	(20.784.715.205)
<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>440</b>		<b>407.769.276.915</b>	<b>377.127.902.311</b>

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
<b>TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
Nợ khó đòi đã xử lý	004	21	1.037.935.347	1.037.935.347
Cổ phiếu đang lưu hành	006		40.000.000	40.000.000
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	22	35.104.160.000	35.106.720.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009	23	40.000	40.000
<b>TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	24	1.159.131.130.000	1.214.263.730.000
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		207.275.390.000	316.921.010.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		861.740.000	1.717.220.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		473.206.880.000	433.831.880.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		460.452.720.000	460.452.720.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		17.334.400.000	1.340.900.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	25	23.377.540.000	14.258.210.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		23.377.540.000	14.258.210.000
Tiền gửi của khách hàng	026		74.172.264.984	4.843.911.649
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	26	30.340.381.784	4.146.780.449
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029	26	43.831.788.200	697.131.200
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030	27	95.000	-
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	28	74.172.169.984	4.843.911.649
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		74.169.246.333	4.840.908.463
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		2.923.651	3.003.186
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	*	95.000	-

  
Nguyễn Gia Huy  
Người lập biểu

  
Đỗ Thị Thanh Hoa  
Kế toán trưởng



  
Hoàng Thanh Bình  
Tổng Giám đốc  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2021

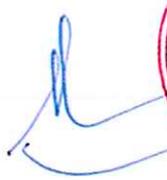
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		43.066.801.729	20.484.296.839
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	32	3.085.278	17.672.093.860
Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2	33	42.878.166.577	2.630.103.350
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	34	185.549.874	182.099.629
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	34	11.569.911.143	11.266.933.498
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	34	170.732.269	570.371.519
Doanh thu môi giới chứng khoán	06	35	986.046.593	1.653.808.981
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	35	1.414.796.187	666.792.432
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	35	1.008.225.595	241.420.999
Thu nhập hoạt động khác	11	35	15.700.010	26.845.043
<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>20</b>		<b>58.232.213.526</b>	<b>34.910.469.311</b>
Lỗ bán các tài sản tài chính	21.1	32	553.847	1.315.625.000
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	33	18.987.068.128	10.416.116.330
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		(3.532.609.003)	6.127.408.013
Chi phí hoạt động tự doanh	26		478.000.000	478.000.000
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	36	1.678.889.019	2.733.284.633
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	36	417.068.709	543.709.417
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	36	621.569.279	842.820.538
Chi phí các dịch vụ khác	32	36	816.855	1.303.809
<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>40</b>		<b>18.651.356.834</b>	<b>22.458.267.740</b>
Doanh thu, dự thù cổ tức, lãi tiền gửi không có định phát sinh trong năm	42	37	3.107.364.796	3.958.552.074
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>50</b>	<b>37</b>	<b>3.107.364.796</b>	<b>3.958.552.074</b>
Chi phí lãi vay	52		680.153.150	1.439.342.466
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	54		(128.446.860)	(555.932.213)
<b>Cộng chi phí tài chính</b>	<b>60</b>	<b>38</b>	<b>551.706.290</b>	<b>883.410.253</b>
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	62	39	10.888.033.598	12.307.694.815
<b>Kết quả hoạt động</b>	<b>70</b>		<b>31.248.481.600</b>	<b>3.219.648.577</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập khác	71	40	100.038.750	2.000.000
Chi phí khác	72	41	220.001.369	126.877.124
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(119.962.619)	(124.877.124)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	90		31.128.518.981	3.094.771.453
Lợi nhuận đã thực hiện	91		7.237.420.532	10.880.784.433
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		23.891.098.449	(7.786.012.980)
Chi phí thuế TNDN	100		-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	42	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	200		31.128.518.981	3.094.771.453
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501		778	77

  
Nguyễn Gia Huy  
Người lập biểu

  
Đỗ Thị Thanh Hoa  
Kế toán trưởng

  
Hoàng Thanh Bình  
Tổng Giám đốc  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2021



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01		(425.842.728.099)	(715.050.019.407)
Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		414.741.739.535	681.768.443.140
Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03		(103.882.755)	(5.110.811)
Cổ tức đã nhận	04		180.289.600	150.401.000
Tiền lãi đã thu	05		9.268.708.677	10.527.563.663
Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	06		(680.153.150)	(1.511.671.233)
Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(526.023.713)	(876.830.029)
Tiền chi trả cho người lao động	08		(5.427.007.709)	(7.306.526.994)
Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09		(539.379.235)	(950.448.017)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		246.114.910.937	95.232.990.734
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(245.703.962.467)	(36.375.411.040)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(8.517.488.379)</b>	<b>25.603.381.006</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và	21		(8.800.000.000)	(457.796.100)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và	22		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty	23		(34.680.000.000)	(132.000.000.000)
liên doanh, liên kết và đầu tư khác				
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn đầu tư vào công ty con,	24		-	148.000.000.000
công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác				
Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các	25		2.818.500.000	21.375.429.860
khoản đầu tư tài chính dài hạn				
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(40.661.500.000)</b>	<b>36.917.633.760</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền vay gốc	33		315.600.000.000	2.000.000.000
Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	33.1		-	-
Tiền vay khác	33.2		315.600.000.000	2.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(315.600.000.000)	(42.000.000.000)
Tiền chi trả gốc nợ vay khác	34.3		(315.600.000.000)	(42.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>(40.000.000.000)</b>
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	50		(49.178.988.379)	22.521.014.766
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		72.575.354.870	50.054.340.104
Tiền	61		32.575.354.870	50.054.340.104
Các khoản tương đương tiền	62		40.000.000.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	5	23.396.366.491	72.575.354.870
Tiền	71	5	23.396.366.491	32.575.354.870
Các khoản tương đương tiền	72	5	-	40.000.000.000

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020*

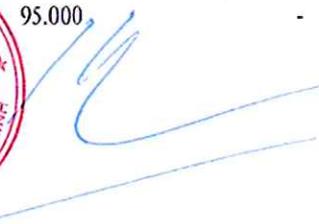
**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		346.716.202.390	755.344.076.512
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(244.500.442.987)	(462.038.336.363)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		(31.196.633.938)	(293.694.304.686)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(1.690.867.130)	(192.858.907)
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		4.870.427.630	7.251.133.625
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(4.870.332.630)	(7.251.136.625)
<i>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</i>	<i>20</i>		<i>69.328.353.335</i>	<i>(581.426.444)</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30		4.843.911.649	5.425.338.093
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		4.843.911.649	5.425.338.093
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		4.146.780.449	3.094.425.693
Trong đó có kỳ hạn:				
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	33		697.131.200	2.330.909.400
- Tiền gửi của tổ chức phát hành	35		-	3.000
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	40		74.172.264.984	4.843.911.649
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		74.172.264.984	4.843.911.649
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		30.340.381.784	4.146.780.449
Trong đó có kỳ hạn:				
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43		-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		43.831.788.200	697.131.200
Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45		95.000	-

  
Nguyễn Gia Huy  
Người lập biểu

  
Đỗ Thị Thanh Hoa  
Kế toán trưởng



  
Hoàng Thanh Bình  
Tổng Giám đốc  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

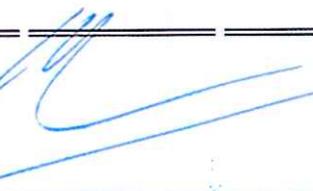
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
	Tại 01/01/2019	Tại 01/01/2020	Năm 2019		Năm 2020		Tại 31/12/2019	Tại 31/12/2020
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>I. Biến động vốn chủ sở hữu</b>	<b>372.372.867.457</b>	<b>375.467.638.910</b>	<b>22.710.650.640</b>	<b>(19.615.879.187)</b>	<b>56.129.570.356</b>	<b>(25.001.051.375)</b>	<b>375.467.638.910</b>	<b>406.596.157.891</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400.000.000.000	400.000.000.000	-	-	-	-	400.000.000.000	400.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	400.000.000.000	400.000.000.000	-	-	-	-	400.000.000.000	400.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	657.921.000	657.921.000	-	-	-	-	657.921.000	657.921.000
Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.786.350.257	1.786.350.257	-	-	-	-	1.786.350.257	1.786.350.257
Lợi nhuận chưa phân phối	(30.071.403.800)	(26.976.632.347)	22.710.650.640	(19.615.879.187)	56.129.570.356	(25.001.051.375)	(26.976.632.347)	4.151.886.634
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	(17.072.701.575)	(6.191.917.142)	20.138.740.340	(9.257.955.907)	13.579.425.147	(6.342.004.615)	(6.191.917.142)	1.045.503.390
- Lợi nhuận chưa thực hiện	(12.998.702.225)	(20.784.715.205)	2.571.910.300	(10.357.923.280)	42.550.145.209	(18.659.046.760)	(20.784.715.205)	3.106.383.244
<b>Cộng</b>	<b>372.372.867.457</b>	<b>375.467.638.910</b>	<b>22.710.650.640</b>	<b>(19.615.879.187)</b>	<b>56.129.570.356</b>	<b>(25.001.051.375)</b>	<b>375.467.638.910</b>	<b>406.596.157.891</b>
<b>II. Thu nhập toàn diện khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

  
 Nguyễn Gia Huy  
 Người lập biểu

  
 Đỗ Thị Thanh Hoa  
 Kế toán trưởng



  
 Hoàng Thanh Bình  
 Tổng Giám đốc  
 Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG**

Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam, theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/12/2007, Giấy phép điều chỉnh số 49/GPĐC-UBCK ngày 14/11/2013 về thay đổi địa điểm trụ sở chính tại Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 87/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/12/2020 điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP ngày 06/12/2007 về việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

**1.2 ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ**

Trụ sở chính đặt tại Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

**1.3 ĐIỀU LỆ CÔNG TY**

Điều lệ Công ty ban hành lần đầu ngày 10/05/2007 và được sửa đổi thay thế ngày 27/05/2013.

**1.4 NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHÍNH VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**Quy mô vốn**

Tổng vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, chia thành 40.000.000 cổ phần, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn thực góp đến ngày 31/12/2020 là 400.000.000.000 đồng.

**Mục tiêu đầu tư**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ chứng khoán. Theo đó, hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

**Hạn chế đầu tư**

Theo điều 44 Thông tư 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 30 tháng 11 năm 2012 và mục 14, điều 1, Thông tư 07/2016/TT-BTC sửa đổi bổ sung Thông tư số 210/2012, do Bộ Tài Chính ban hành ngày 18 tháng 01 năm 2016 và các văn bản sửa đổi bổ sung. Cụ thể:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán không được sử dụng quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu để đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.4 NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHÍNH VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)**

**Hạn chế đầu tư (tiếp)**

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
  - Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
  - Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
  - Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
  - Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
  - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
  - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
  - Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
  - Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;
  - Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
  - Không đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
  - Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định.

**Cấu trúc Công ty**

Công ty không có công ty con, công ty liên kết liên doanh, các chi nhánh và đơn vị trực thuộc.

**1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty là môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; lưu ký chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán. Các chính sách về giá, chính sách giảm giá của Công ty và đặc biệt là các quy định ban hành của Nhà nước sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh của các công ty cùng ngành sẽ làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Ngày 19/3/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn số 1755/UBCK-QLKD về việc ngừng thực hiện giao dịch ký quỹ đối với Công ty. Theo đó, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu Công ty ngừng thực hiện giao dịch ký quỹ do tỷ lệ an toàn tài chính tại các thời điểm 31/01/2018, 30/06/2018 và 30/09/2018 của Công ty đã không đảm bảo điều kiện để thực hiện giao dịch ký quỹ theo quy định. Đến ngày 08/05/2020, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tiếp tục cho thực hiện hoạt động giao dịch ký quỹ, cho vay vốn để thực hiện giao dịch ký quỹ cho khách hàng.

**1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 KỲ KẾ TOÁN**

Năm tài chính hằng năm của Công ty bắt đầu từ 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam “VND” và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được quy sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty phát sinh giao dịch. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại đối với các các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do giao dịch trong hoạt động kinh doanh và lãi lỗ thuần chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được ghi nhận là thu nhập tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

Thông tư số 210/2014/TT-BTC và Thông tư số 334/2016/TT-BTC đưa ra các quy định, nội dung liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2016, riêng các nguyên tắc và phương pháp kế toán theo giá trị hợp lý chỉ được áp dụng khi Luật Kế toán cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý.

Theo quy định tại Điều 3, Điều 6 và Điều 28 Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 đã cho phép ghi nhận và đánh giá lại theo nguyên tắc giá trị hợp lý đối với các tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Từ ngày 01/01/2017, giá trị các Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ được phản ánh theo giá trị hợp lý theo quy định.

**3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Thực hiện kế toán Công ty chứng khoán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động, báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

**3.3 HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.1 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm toàn bộ số tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền hiện có của Công ty chứng khoán (CTCK) tại thời điểm báo cáo, gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của CTCK, tiền mặt tại quỹ của CTCK, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của CTCK và các khoản tương đương tiền (Nếu có).

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4.2 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

Nguyên tắc kế toán Tài sản tài chính (TSTC) ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, TSTC sẵn sàng để bán, các khoản cho vay, nợ tài chính:

**4.2.1 NGUYÊN TẮC PHÂN LOẠI TSTC VÀ NỢ TÀI CHÍNH THUỘC DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

Tài sản tài chính được phân loại thành bốn loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay.

a) **Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):** TSTC được phân loại theo FVTPL khi TSTC đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời.

Danh mục tài sản tài chính chứng khoán tự doanh FVTPL phải chấp hành quy định pháp luật chứng khoán hiện hành. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL mua vào thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được ghi sổ kế toán theo giá mua thực tế các tài sản tài chính (Đối với chứng khoán chưa niêm yết của Tổ chức phát hành) hoặc giá khớp lệnh mua, bán chứng khoán trên các Sở Giao dịch chứng khoán (Đối với chứng khoán niêm yết). Giá mua các tài sản tài chính không bao gồm các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL, như: Phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng.

TSTC được phân loại ra khỏi FVTPL trong trường hợp: TSTC là nợ cho vay hoặc khoản phải thu nếu xác định mục đích sẽ là nắm giữ trong khoản thời gian xác định trong tương lai hoặc đến khi đáo hạn hoặc TSTC là tiền gửi được phân loại sang nhóm tiền và tương đương tiền.

Các loại TSTC được phân loại nhóm khác khi bán cần phải phân loại vào FVTPL.

Các TSTC FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.2 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**4.2.1 NGUYÊN TẮC PHÂN LOẠI TSTC VÀ NỢ TÀI CHÍNH THUỘC DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (TIẾP)**

b) **Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):** HTM là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được có kỳ đáo hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các TSTC phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được CTCK xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL).
- Các TSTC phi phái sinh đã được Công ty xếp vào loại sẵn sàng để bán (AFS), và
- Các TSTC phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

c) **Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):** AFS thuộc danh mục TSTC của CTCK là các TSTC phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là (a) Các khoản cho vay và phải thu, (b) Các khoản đầu tư TSTC AFS được phép phân loại sang nhóm: FVTPL, HTM.

d) **Các khoản cho vay:** Các khoản cho vay thuộc Danh mục TSTC của CTCK là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán

Rủi ro cho vay trong các nghiệp vụ cho vay theo quy định của luật chứng khoán (sau đây gọi tắt là rủi ro) là tổn thất có khả năng xảy ra đối với nợ cho vay của CTCK do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay thì phải lập dự phòng rủi ro cụ thể và dự phòng chung cho những tổn thất có thể xảy ra đối với nợ cho vay của CTCK. Công ty chứng khoán sẽ lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

**4.2.2 NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và AFS theo giá trị thị trường và giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định của pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các TSTC. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp và mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận.

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá thị trường được xác định là giá đóng cửa được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.2 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**4.2.2 NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất. Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các cổ phiếu không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành lại tại ngày 31/12/2020.

Theo quy định tại Điều 3, Điều 6 và Điều 28 Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 đã cho phép ghi nhận theo nguyên tắc giá trị hợp lý: các tài sản và nợ phải trả được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Theo đó, căn cứ quy định tại Thông tư số 210 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính giá trị các Tài sản tài chính đánh giá lại cao hơn so với giá mua trên sổ sách tại ngày 31/12/2020 là 4.712.729.167 đồng và giá trị các Tài sản tài chính đánh giá lại thấp hơn so với giá mua trên sổ sách tại ngày 31/12/2020 là 1.606.345.923 đồng. Phương pháp kế toán ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý, cụ thể như sau:

Theo quy định, cuối tháng chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo hai chỉ tiêu:

- Chênh lệch tăng do đánh giá lại FVTPL được phản ánh vào chỉ tiêu chi tiết “chênh lệch tăng do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ”. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL năm 2020 là 42.878.166.577 đồng.
- Chênh lệch giảm do đánh giá lại FVTPL được phản ánh vào chỉ tiêu chi tiết “chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ”. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL năm 2020 là 18.987.068.128 đồng.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK xác định lợi nhuận hoặc lỗ chưa thực hiện của kỳ (kỳ tính giá trị tài sản ròng hoặc kỳ kế toán). Số chênh lệch tăng, giảm do đánh giá lại của từng loại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK không bù trừ giữa các tài sản tài chính.

**4.3 DỰ PHÒNG SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP**

Cuối kỳ kế toán, Công ty chứng khoán phải đánh giá tình hình suy giảm giá trị của các loại tài sản tài chính sau: Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính sẵn có để bán. Nếu phát sinh giá trị suy giảm giá trị của các loại tài sản tài chính này thì phải lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính. Giá trị lập dự phòng suy giảm giá trị tài chính ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động. Trường hợp nếu tài sản tài chính được đánh giá khôi phục mức suy giảm đã xác định trước đó, thì sẽ hoàn nhập khoản dự phòng suy giảm giá trị đã lập.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.3 DỰ PHÒNG SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP (TIẾP)**

Đối với các tài sản nhận thế chấp của CTCK phải thực hiện đánh giá lại tài sản này theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (đối với trường hợp không có giá thị trường) để yêu cầu Bên đi vay bổ sung tài sản thế chấp hoặc trích lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp. Khi giá trị của tài sản nhận thế chấp bị giảm thấp hơn giá trị khoản cho vay của CTCK tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (Theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp) thì phải lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp. Việc trích lập và hoàn nhập khoản dự phòng tài sản nhận thế chấp được thực hiện ở cuối kỳ kế toán. Mức lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị tài sản thuần tính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá trị khoản cho vay tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp đã ghi nhận trên sổ kế toán (Tài khoản không trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính).

**4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, xét xử đang thi hành án hoặc chết. Chi phí dự phòng được hạch toán vào “chi phí quản lý doanh nghiệp” trong năm.

**4.5 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC VÀ DỰ PHÒNG SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết, góp vốn vào các công ty cổ phần nắm giữ dưới 20% vốn, không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá gốc chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Khoản đầu tư mà nhà đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (Tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh);
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, nếu Công ty chứng khoán hạch toán khoản đầu tư này theo phương pháp giá gốc, thì việc lập dự phòng được căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư theo quy định của cơ chế tài chính.

Nguyên tắc kế toán dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư dài hạn:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.5 ĐÀU TƯ DÀI HẠN KHÁC VÀ DỰ PHÒNG SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)**

- Đối với các đơn vị được đầu tư là công ty mẹ, căn cứ để nhà đầu tư trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ đó. Đối với các đơn vị được đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để nhà đầu tư trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là Báo cáo tài chính của bên được đầu tư đó.
- Việc trích lập và hoàn nhập khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp”.

**4.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định được phân ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

	Số năm khấu hao (năm)
Máy móc thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Tài sản khác	8
Tài sản vô hình	4 - 5

**4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.8 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP KẾ TOÁN CÁC PHẢI THU NGẮN HẠN, DÀI HẠN**

Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu bán các TSTC: Toàn bộ giá trị phải thu bán các TSTC thuộc danh mục TSTC của CTCK phải theo dõi qua chi tiêu “Phải thu bán các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC: tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính thuộc danh mục TSTC của CTCK phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chi tiêu “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng phải thu khó đòi: Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được phản ánh vào Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán” trong kỳ. Mức lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo quy định của cơ chế tài chính hiện hành.

**4.9 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC**

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm.

**4.10 CÁC QUỸ**

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2014 về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị Quyết của Đại hội cổ đông.

**4.11 PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**4.12 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu của Công ty được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty xác định khả năng chắc chắn thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này: khi giao dịch chứng khoán đã thành công, dịch vụ đã cung cấp và chuyển giao phần lớn lợi ích cũng như rủi ro cho khách hàng, được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.12 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN DOANH THU**

Giao dịch chứng khoán được coi là thành công khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch khớp lệnh và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) hay khi thỏa thuận về chuyển giao tài sản theo Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất (đối với chứng khoán không niêm yết).

***Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán***

Là khoản phí môi giới CTCK được hưởng từ việc cung cấp dịch vụ về nghiệp vụ môi giới chứng khoán cho khách hàng. Doanh thu về nghiệp vụ môi giới chứng khoán được xác định trên cơ sở phí môi giới mà Nhà đầu tư phải trả cho CTCK khi giao dịch chứng khoán được thực hiện theo lệnh của Nhà đầu tư và các loại phí khác thu được từ các nghiệp vụ môi giới chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán. Doanh thu này được xác định vào cuối mỗi tháng. Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch của nhà đầu tư được coi là thành công, Công ty thực nhận được tiền phí môi giới từ khách hàng.

***Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán***

Cơ sở ghi nhận giảm số lượng và giá trị các tài sản tài chính bán trong Danh mục tài sản tài chính của CTCK được tính tại ngày T+x ngày kết thúc của quy trình mua bán chứng khoán được thực hiện và nhận được Thông báo kết quả bù trừ của Trung tâm Lưu ký Việt Nam (VSD) hoặc (Đối với chứng khoán niêm yết) hoặc của Tổ chức bù trừ và thanh toán được ủy nhiệm (Đối với chứng khoán chưa niêm yết mà CTCK được phép đầu tư theo quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành). Khi đó chứng khoán được xác định chuyển quyền sở hữu và việc nghĩa vụ thanh toán chứng khoán được thực hiện. Doanh thu bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ là khoản chênh lệch tăng giữa giá bán thực tế và giá mua (Được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch).

***Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán (tiếp)***

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán. Trong đó:

- Chênh lệch lãi được ghi nhận vào TK 511 - Thu nhập;
- Chênh lệch lỗ được ghi nhận vào TK 632 - Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh.

Về thời điểm ghi nhận doanh thu bán các tài sản tài chính tại ngày T+x ngày kết thúc của quy trình mua bán chứng khoán được thực hiện doanh thu bán các tài sản tài chính là ngày T+x (Bán TSTC qua Sở Giao dịch chứng khoán và không qua Sở Giao dịch chứng khoán). Công ty chứng khoán có thể ghi nhận doanh thu bán các tài sản tài chính tại ngày T+0 ngày khớp lệnh giao dịch mua, bán các tài sản tài chính (Trường hợp mua bán các TSTC trên Sở Giao dịch chứng khoán).

***Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán***

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện trong toàn bộ cam kết hoặc nghĩa vụ của Công ty đối với khách hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.12 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)**

*Thu nhập lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi cổ tức đã nhận hoặc được quyền nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ khác*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**4.13 GHI NHẬN CHI PHÍ**

Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm: khoản lỗ bán chứng khoán tự doanh, các chi phí thực tế phát sinh có liên quan đến việc thực hiện doanh thu của các hoạt động môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán và các hoạt động khác. Chi phí phát sinh trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán. Căn cứ vào thời điểm ghi nhận doanh thu nêu trên, Công ty kết chuyển chi phí kinh doanh chứng khoán tương ứng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

**4.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.15 CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty hoặc chịu sự kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể của Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được thể hiện thông qua quyền biểu quyết trong việc ra các quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

Theo đó, các bên liên quan là các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty, các Cổ đông lớn của Công ty và các đối tác có giao dịch lớn trong năm với Công ty.

**4.16 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty có hoạt động kinh doanh chính liên quan đến môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán. Các hoạt động này được thực hiện theo một quy trình chung và hoạt động trên một khu vực địa lý duy nhất (tại trụ sở chính của Công ty). Do đó, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không cần lập Báo cáo bộ phận.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Tiền	23.396.366.491	32.575.354.870
Tiền mặt	3.093.620.311	174.525.894
Tiền gửi ngân hàng	20.302.746.180	32.400.828.976
Các khoản tương đương tiền	-	40.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 07 ngày	-	40.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>23.396.366.491</b>	<b>72.575.354.870</b>

**6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
	CP	VND
Cửa Công ty chứng khoán	264	5.276.060
- Cổ phiếu	264	5.276.060
- Chứng khoán khác	-	-
Cửa nhà đầu tư	46.561.525	545.135.872.500
- Cổ phiếu	46.561.525	545.135.872.500
- Chứng khoán khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>46.561.789</b>	<b>545.141.148.560</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**

Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH****7.1 CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL)**

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2020		Tại 01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản FVTPL</b>				
+ Cổ phiếu niêm yết	56.504.579.346	59.610.962.590	56.507.248.455	35.722.533.250
<i>DPM</i>	4.423.500.000	2.820.000.000	4.423.500.000	1.942.500.000
<i>EIB</i>	112.156	173.250	112.156	160.200
<i>STB</i>	52.074.188.361	56.783.814.100	52.074.188.361	33.767.889.450
<i>Cổ phiếu lẻ khác</i>	6.778.829	6.975.240	9.447.938	11.983.600
<b>Cộng</b>	<b>56.504.579.346</b>	<b>59.610.962.590</b>	<b>56.507.248.455</b>	<b>35.722.533.250</b>

**7.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM)**

	Tại 31/12/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
<b>Tài sản HTM</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng	189.900.000.000	178.900.000.000
<b>Ngắn hạn</b>	<b>189.900.000.000</b>	<b>178.900.000.000</b>
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Chánh (1)	97.200.000.000	136.200.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh NKKN (2)	40.000.000.000	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn (3)	47.700.000.000	37.700.000.000
+ Ngân hàng TMCP Bản Việt (4)	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>189.900.000.000</b>	<b>178.900.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**

Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)****7.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM) (TIẾP)**

(1) Khoản tiền gửi có kỳ hạn theo các hợp đồng tiền gửi giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Bình Chánh, bao gồm:

- + Hợp đồng tiền gửi số 02/2020/11878193/HĐTĐ ngày 28/04/2020 với giá trị 28.000.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,3%/năm.
- + Hợp đồng tiền gửi số 03/2020/1878193/HĐTĐ ngày 18/06/2020 với giá trị 21.200.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6%/năm.
- + Hợp đồng tiền gửi số 04/2020/1878193/HĐTĐ ngày 25/06/2020 với giá trị 48.000.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6%/năm.

(2) Khoản tiền gửi có kỳ hạn theo hợp đồng tiền gửi số 976/2020/HĐTĐ ĐCTC ngày 24/07/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh NKK, lãi suất 5,5%, kỳ hạn 367 ngày. Số dư tiền gửi và khoản tiền lãi của hợp đồng này đang được dùng để cầm cố theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 08/2020/1878193/HĐCC ngày 18/11/2020 để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ vay thấu chi hợp đồng thấu chi số 08/2020/1878193/HĐTĐ ngày 18/11/2020 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam kỳ Khởi nghĩa.

(3) Khoản tiền gửi có kỳ hạn theo các hợp đồng tiền gửi giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn, bao gồm:

- + Hợp đồng 47.2020/HĐTĐ-TSG.DVKH ngày 24/07/2020, số tiền 10.000.000.000 đồng, lãi suất 4,4%, kỳ hạn 06 tháng.
- + Hợp đồng ngày 29/11/2018, số tiền 17.700.000.000 đồng, lãi suất 3,7%, kỳ hạn 06 tháng.
- + Hợp đồng ngày 04/12/2018, số tiền 20.000.000.000 đồng, lãi suất 3,6%, kỳ hạn 06 tháng.

(4) Khoản tiền gửi có kỳ hạn theo Hợp đồng tiền gửi số 176/HĐTĐ-VCCB.KHDN&ĐC.2020 ngày 29/06/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Bản Việt - Hội sở, số tiền gửi là 5.000.000.000 đồng với kỳ hạn 13 tháng, lãi suất 8%/năm.

**7.3 CÁC KHOẢN CHO VAY**

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2020		Tại 01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (*) VND
<b>Các khoản cho vay và phải thu</b>				
+ Cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư	4.090.312.970	3.680.810.361	3.455.980.612	2.398.869.000
+ Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán CK của nhà đầu tư	1.070.870.012	1.070.870.012	1.599.013.266	1.599.013.266
<b>Cộng</b>	<b>5.161.182.982</b>	<b>4.751.680.373</b>	<b>5.054.993.878</b>	<b>3.997.882.266</b>

(\*) Giá trị hợp lý các khoản cho vay được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị của các khoản cho vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**

Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**7.4 TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ THỊ TRƯỜNG CỦA CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2020					Tại 01/01/2020				
	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá năm nay		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá năm trước		Giá trị đánh giá lại
			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản FVTPL	56.504.579.346	59.610.962.590	4.712.729.167	1.606.345.923	59.616.654.436	56.507.248.455	35.722.533.250	6.005.569	20.790.720.774	35.722.533.250
+ Cổ phiếu niêm yết	56.504.579.346	59.610.962.590	4.712.729.167	1.606.345.923	59.616.654.436	56.507.248.455	35.722.533.250	6.005.569	20.790.720.774	35.722.533.250
DPM	4.423.500.000	2.820.000.000	-	1.603.500.000	2.820.000.000	4.423.500.000	1.942.500.000	-	2.481.000.000	1.942.500.000
EIB	112.156	173.250	61.094	-	173.250	112.156	160.200	48.044	-	160.200
STB	52.074.188.361	56.783.814.100	4.709.625.739	-	56.783.814.100	52.074.188.361	33.767.889.450	-	18.306.298.911	33.767.889.450
Cổ phiếu khác	6.778.829	6.975.240	3.042.334	2.845.923	12.667.086	9.447.938	11.983.600	5.957.525	3.421.863	11.983.600
Tài sản AFS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản HTM	189.900.000.000	189.900.000.000	-	-	189.900.000.000	178.900.000.000	178.900.000.000	-	-	178.900.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn cố định	189.900.000.000	189.900.000.000	-	-	189.900.000.000	178.900.000.000	178.900.000.000	-	-	178.900.000.000
Các khoản cho vay và phải thu	5.161.182.982	4.751.680.373	-	409.502.609	4.751.680.373	5.054.993.878	3.997.882.266	-	1.057.111.612	3.997.882.266
Cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư	4.090.312.970	3.680.810.361	-	409.502.609	3.680.810.361	3.455.980.612	2.398.869.000	-	1.057.111.612	2.398.869.000
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	1.070.870.012	1.070.870.012	-	-	1.070.870.012	1.599.013.266	1.599.013.266	-	-	1.599.013.266
<b>Cộng</b>	<b>251.565.762.328</b>	<b>254.262.642.963</b>	<b>4.712.729.167</b>	<b>2.015.848.532</b>	<b>254.268.334.809</b>	<b>240.462.242.333</b>	<b>218.620.415.516</b>	<b>6.005.569</b>	<b>21.847.832.386</b>	<b>218.620.415.516</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**7.4 TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ THỊ TRƯỜNG CỦA CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất. Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn được xác định bằng giá trị ghi sổ do các tài sản tài chính không có giá thị trường và chưa có dấu hiệu suy giảm giá trị.

Đối với các khoản cho vay giá trị hợp lý được xác định bằng giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**7.5 DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN THẾ CHẤP**

Chỉ tiêu	Cơ sở lập dự phòng tại 31/12/2020			Giá trị lập dự phòng tại 31/12/2019	Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm này	
	Số lượng	Giá trị sổ sách	Giá trị thị trường			Giá trị lập dự phòng
Các khoản cho vay		1.534.929.459	1.125.426.850	(409.502.609)	(1.057.111.612)	647.609.003
Cho vay Margin		1.534.929.459	1.125.426.850	(409.502.609)	(1.057.111.612)	647.609.003
- Ông Huỳnh Nguyễn Vũ	582.975	1.534.929.459	1.125.426.850	(409.502.609)	(1.057.111.612)	647.609.003
<i>Chi tiết cổ phiếu</i>						
+ HQC	582.950		1.125.093.500			
+ PVD	9		145.800			
+ PVT	7		98.000			
+ SAM	9		89.550			
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán		-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>		<b>1.534.929.459</b>	<b>1.125.426.850</b>	<b>(409.502.609)</b>	<b>(1.057.111.612)</b>	<b>647.609.003</b>

**DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN THẾ CHẤP**

	Tại 31/12/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính	409.502.609	1.057.111.612
Các khoản cho vay	409.502.609	1.057.111.612
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản nhận thế chấp	-	-
<b>Cộng</b>	<b>409.502.609</b>	<b>1.057.111.612</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	4.876.051.714	2.150.245.221
Dự thu tiền lãi - Lãi tiền gửi có kỳ hạn cố định	4.865.240.548	2.105.156.437
Dự thu tiền lãi nghiệp vụ cho vay ký quỹ	10.811.166	45.088.784
Trả trước cho người bán	151.500.000	249.750.000
Công ty TNHH Thẩm định giá và Tư vấn EOI - Việt Nam	-	90.000.000
Nhà cung cấp khác	151.500.000	159.750.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	900.698.949	1.733.332.109
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính	150.000.000	770.000.000
+ Công ty CP Phát Hành Sách Khánh Hòa	-	770.000.000
+ Công ty CP Dịch vụ Điện tử Việt	150.000.000	-
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	66.609.855	3.172.072
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	684.089.094	960.160.037
Phải thu khác	25.785.284.763	43.734.867.513
Các khoản phải thu khác	25.784.867.513	43.734.867.513
Trong đó, nợ phải thu khó đòi	25.784.867.513	43.734.867.513
+ Công ty CP TM Hùng Cường (*)	-	17.950.000.000
+ Ông Đỗ Đức Tâm (hoạt động margin)	1.142.109.613	1.142.109.613
+ Các đối tượng còn lại (**)	24.642.757.900	24.642.757.900
Nộp bổ sung tiền Bảo hiểm	417.250	-
<b>Cộng</b>	<b>31.713.535.426</b>	<b>47.868.194.843</b>

(\*) Số dư phải thu Công ty CP Thương Mại Hùng Cường (viết tắt là "Công ty Hùng Cường") bao gồm khoản phải thu tiền lãi từ nhiều năm trước là 2.950.000.000 đồng và khoản phải thu từ hợp đồng chuyển nhượng khoản đầu tư dài hạn 1.000.000 cổ phiếu Công ty CP Liên Minh là 15.000.000.000 đồng. Công ty đã khởi kiện ra Tòa án và đã có Quyết định giám đốc thẩm của Tòa án Nhân dân cấp cao Tp. Hồ Chí Minh. Lý do khởi kiện: Công ty Hùng Cường không thanh toán số tiền mua cổ phần như đã thỏa thuận theo Hợp đồng chuyển nhượng 1.000.000 cổ phần Công ty CP Liên Minh thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty CP Chứng khoán BETA với tổng giá trị chuyển nhượng là 15.000.000.000 đồng.

Căn cứ theo Quyết định thi hành án số 13/QĐ-CCTHADS ngày 12/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10: Công ty Hùng Cường phải thanh toán cho Công ty CP Chứng khoán BETA là 21.954.250.000 đồng, gồm 15.000.000.000 đồng tiền mua cổ phiếu và 6.954.250.000 đồng tiền lãi. Sau đó, Công ty CP Chứng khoán BETA sẽ có trách nhiệm bàn giao bản chính Giấy Chứng nhận sở hữu cổ phần và làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cổ phần cho Công ty Hùng Cường.

Theo Biên bản về việc giải quyết việc thi hành án ngày 13/05/2020 được sự xác nhận của Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự Quận 10 và các bên có liên quan, Công ty CP Chứng khoán Beta và Công ty Hùng Cường thống nhất thỏa thuận Công ty Hùng Cường thanh toán cho Công ty CP Chứng khoán Beta số tiền 10 tỷ đồng trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày 21/04/2020 thì Công ty CP Chứng khoán Beta tự nguyện từ bỏ không tiếp tục yêu cầu thi hành án số tiền còn lại là 11.954.250.000 đồng và tiền lãi do chậm thi hành án. Theo đó, đến ngày 31/12/2020, Công ty Hùng Cường đã thanh toán đủ 10 tỷ đồng nêu trên, nên số dư công nợ này được tắt toán.

(\*\*) Là lãi của các nhà đầu tư phải trả liên quan đến các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán chưa niêm yết và nợ khó đòi liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**

Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***9. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu như sau:

STT	Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Năm 2020				
			Tại 01/01/2020	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
			VND	VND	VND	VND	VND
	Dự phòng phải thu khác khó đòi	25.784.867.513	36.619.867.513	-	10.450.000.000	25.784.867.513	36.619.867.513
1	Đỗ Hoàng Long	3.061.955.000	3.061.955.000	-	-	3.061.955.000	3.061.955.000
2	Nguyễn Thị Thu Hương	1.488.510.000	1.488.510.000	-	-	1.488.510.000	1.488.510.000
3	Đinh Thị Hoa	218.067.400	218.067.400	-	-	218.067.400	218.067.400
4	Hoàng Đại Nghĩa	4.392.600.000	4.392.600.000	-	-	4.392.600.000	4.392.600.000
5	Vũ Văn Tú	446.000.000	446.000.000	-	-	446.000.000	446.000.000
6	Nguyễn Văn Tiệp	6.921.706.000	6.921.706.000	-	-	6.921.706.000	6.921.706.000
7	Lê Thị Thanh Nga	3.356.331.500	3.356.331.500	-	-	3.356.331.500	3.356.331.500
8	Đỗ Trọng Thắng	3.006.378.000	3.006.378.000	-	-	3.006.378.000	3.006.378.000
9	Lê Xuân Hợi	1.751.210.000	1.751.210.000	-	-	1.751.210.000	1.751.210.000
10	Cty CP TM Hùng Cường	-	10.450.000.000	-	10.450.000.000	-	10.450.000.000
11	Ông Đỗ Đức Tâm (hoạt động margin)	1.142.109.613	1.142.109.613	-	-	1.142.109.613	1.142.109.613
12	Công ty CP Phát Hành Sách Khánh Hòa	-	385.000.000	-	385.000.000	-	385.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>25.784.867.513</b>	<b>36.619.867.513</b>	<b>-</b>	<b>10.835.000.000</b>	<b>25.784.867.513</b>	<b>36.619.867.513</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	336.337.058	392.349.437
Chi phí bản quyền thiết bị tường lửa	23.574.998	39.291.669
Chi phí bảo hiểm	48.350.847	32.536.807
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	9.683.000	28.941.169
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	254.728.213	291.579.792
Chi phí trả trước dài hạn	307.396.693	600.648.259
Chi phí bản quyền phần mềm	9.220.626	27.165.366
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	242.569.232	473.351.978
Chi phí trả trước dài hạn khác	55.606.835	100.130.915
Cộng	<u>643.733.751</u>	<u>992.997.696</u>

**11. CẦM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC**

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	3.000.000	3.000.000
Ký quỹ đặt cọc thuê máy photocopy	3.000.000	3.000.000
Dài hạn	33.000.000.000	25.000.000.000
Ký quỹ đặt cọc thuê nhà	33.000.000.000	25.000.000.000
Cộng	<u>33.003.000.000</u>	<u>25.003.000.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**

Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****12.1 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị ghi sổ	
	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	CP	CP	VND	VND
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>2.739.250</b>	<b>1.842.250</b>	<b>74.819.500.000</b>	<b>40.139.500.000</b>
Công ty CP An Phú (APH)	316.250	316.250	8.287.500.000	8.287.500.000
Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức	1.200.000	1.200.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty CP Dịch vụ Điện tử Việt	102.000	26.000	26.852.000.000	7.852.000.000
Công ty CP Bất Động Sản Tiến Lợi	300.000	300.000	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Địa ốc Minh Gia	371.000	-	3.710.000.000	-
Công ty CP Phát hành Sách Khánh Hòa	450.000	-	11.970.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.739.250</b>	<b>1.842.250</b>	<b>74.819.500.000</b>	<b>40.139.500.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**

Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)****12.2 DỰ PHÒNG SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

Chỉ tiêu	Cơ sở lập dự phòng tại 31/12/2020			Giá trị lập dự phòng tại 31/12/2019	Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm 2020	
	Số lượng	Giá trị sổ sách	Giá trị thị trường (*)			
Đầu tư dài hạn khác		74.819.500.000	74.566.757.347	252.742.653	381.189.513	128.446.860
Cổ phiếu chưa niêm yết						
- Công ty CP An Phú (2)	316.250	8.287.500.000	8.287.500.000	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức (1)	1.200.000	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-
- Công ty CP Dịch vụ Điện tử Việt (2)	102.000	26.852.000.000	26.852.000.000	-	-	-
- Công ty CP Bất Động Sản Tiến Lợi (2)	300.000	9.000.000.000	8.752.235.829	247.764.171	381.189.513	133.425.342
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Địa ốc Minh Gia (2)	371.000	3.710.000.000	3.705.021.518	4.978.482	-	(4.978.482)
- Công ty CP Phát hành Sách Khánh Hòa (2)	450.000	11.970.000.000	11.970.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>		<b>74.819.500.000</b>	<b>74.566.757.347</b>	<b>252.742.653</b>	<b>381.189.513</b>	<b>128.446.860</b>

(1) Công ty ghi nhận các khoản đầu tư dài hạn theo phương pháp giá gốc, việc lập dự phòng tổn thất được căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư theo quy định của cơ chế tài chính, do đó việc lập dự phòng tổn thất được căn cứ trên Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư. Đến thời điểm hiện nay, Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty này để xem xét việc trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng theo quy định.

(2) Công ty ghi nhận các khoản đầu tư dài hạn theo phương pháp giá gốc, việc lập dự phòng tổn thất được căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư được căn cứ vào Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của các bên nhận đầu tư đến ngày 31/12/2020 (các đơn vị này không thuộc trường hợp bắt buộc phải kiểm toán theo quy định của pháp luật hiện hành, trừ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần An Phú).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**

Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại 01/01/2020	150.000.000	3.436.922.402	5.015.024.497	32.990.000	1.326.359.504	9.961.296.403
Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
Tại 31/12/2020	<u>150.000.000</u>	<u>3.436.922.402</u>	<u>5.015.024.497</u>	<u>32.990.000</u>	<u>1.326.359.504</u>	<u>9.961.296.403</u>
<b>HAO MÒN LUYỄN KẾ</b>						
Tại 01/01/2020	(150.000.000)	(2.528.512.327)	(3.730.163.405)	(11.913.057)	(1.326.359.504)	(7.746.948.293)
Khấu hao trong năm	-	(242.127.660)	(531.666.672)	(10.996.668)	-	(784.791.000)
Tại 31/12/2020	<u>(150.000.000)</u>	<u>(2.770.639.987)</u>	<u>(4.261.830.077)</u>	<u>(22.909.725)</u>	<u>(1.326.359.504)</u>	<u>(8.531.739.293)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2020	-	908.410.075	1.284.861.092	21.076.943	-	2.214.348.110
Tại 31/12/2020	-	666.282.415	753.194.420	10.080.275	-	1.429.557.110

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 5.551.726.503 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Website công ty VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại 01/01/2020	5.656.686.320	205.924.000	61.819.450	5.924.429.770
Mua trong năm	8.800.000.000	-	-	8.800.000.000
Tại 31/12/2020	<u>14.456.686.320</u>	<u>205.924.000</u>	<u>61.819.450</u>	<u>14.724.429.770</u>
<b>HAO MÒN LUYỆ KẾ</b>				
Tại 01/01/2020	(2.969.149.150)	(196.681.873)	(61.819.450)	(3.227.650.473)
Khấu hao trong năm	(1.111.203.851)	(9.242.127)	-	(1.120.445.978)
Tại 31/12/2020	<u>(4.080.353.001)</u>	<u>(205.924.000)</u>	<u>(61.819.450)</u>	<u>(4.348.096.451)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2020	<u>2.687.537.170</u>	<u>9.242.127</u>	<u>-</u>	<u>2.696.779.297</u>
Tại 31/12/2020	<u>10.376.333.319</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>10.376.333.319</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 492.169.770 đồng.

**15. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các Trung tâm Giao dịch Chứng khoán. Biến động của khoản tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	Tại 31/12/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
Tiền nộp ban đầu	124.212.275	124.212.275
Tiền nộp bổ sung	2.773.363.616	2.669.480.861
Tiền lãi phân bổ hàng năm	1.264.642.130	1.224.675.869
<b>Cộng</b>	<u>4.162.218.021</u>	<u>4.018.369.005</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**

Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***16. VAY NGẮN HẠN**

	Lãi suất vay	Tại 01/01/2020	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Tại 31/12/2020
		VND	VND	VND	VND
<b>a. Vay ngắn hạn</b>		-	315.600.000.000	315.600.000.000	-
Vay thấu chi Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa TK 9944 (1)	6,6%; 5,75%	-	129.600.000.000	129.600.000.000	-
Vay thấu chi Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa TK 7558 (2)	8,6%; 5,75%	-	186.000.000.000	186.000.000.000	-
<b>b. Vay dài hạn</b>		-	-	-	-
<b>Cộng</b>		-	<b>315.600.000.000</b>	<b>315.600.000.000</b>	-

(1) Vay thấu chi Ngân hàng BIDV TK 9944 theo các Hợp đồng thấu chi sau:

+ Hợp đồng thấu chi số 08/2020/1878193/HĐTC ngày 18/11/2020 với Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, với giá trị hạn mức thấu chi là 20.000.000.000 đồng. Lãi suất trong hạn 5,75%/năm. Thời hạn thấu chi tối đa 250 ngày. Hình thức đảm bảo tiền vay: Cầm cố Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 976/2020/HDTG-DCTC với Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, lãi suất 5,5%/năm, với giá trị là 40 tỷ đồng, kỳ hạn 367 ngày, ngày đến hạn 26/07/2021 theo Hợp đồng thế chấp số 08/2020/1878193/HĐCC ngày 18/11/2020.

+ Hợp đồng thấu chi số 06/2020/1878193/HĐTC ngày 23/09/2020 với Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, với giá trị hạn mức thấu chi là 20.000.000.000 đồng. Lãi suất trong hạn 5,75%/năm. Thời hạn thấu chi tối đa 22 ngày. Hình thức đảm bảo tiền vay: Cầm cố Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 976/2020/HDTG-DCTC với Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, lãi suất 5,5%/năm, với giá trị là 40 tỷ đồng, kỳ hạn 367 ngày, ngày đến hạn 26/07/2021 theo Hợp đồng thế chấp số 06/2020/1878193/HĐCC ngày 23/09/2020.

+ Hợp đồng thấu chi số 02/2020/1878193/HĐTC ngày 04/03/2020 với Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, với giá trị hạn mức thấu chi là 14.000.000.000 đồng. Lãi suất trong hạn 6,6%/năm. Hình thức đảm bảo tiền vay: Cầm cố Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 39/2020/HDTG-DCTC với Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, lãi suất 6,6%/năm, với giá trị là 20 tỷ đồng, kỳ hạn 6 tháng, ngày đến hạn 17/07/2020 theo Hợp đồng thế chấp số 02/2020/1878193/HĐCC ngày 04/03/2020.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**16. VAY NGẮN HẠN (TIẾP)**

(2) Vay thấu chi Ngân hàng BIDV TK 7558 theo các Hợp đồng thấu chi sau:

+ Hợp đồng thấu chi số 07/2020/1878193/HĐTC ngày 15/10/2020 với Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, với giá trị hạn mức thấu chi là 20.000.000.000 đồng. Lãi suất trong hạn 5,75%/năm. Thời hạn thấu chi tối đa 32 ngày. Hình thức đảm bảo tiền vay: Cầm cố Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 976/2020/HDTG-DCTC với Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, lãi suất 5,5%/năm, với giá trị là 40 tỷ đồng, kỳ hạn 367 ngày, ngày đến hạn 26/07/2021 theo Hợp đồng thế chấp số 07/2020/1878193/HĐCC ngày 15/10/2020.

+ Hợp đồng thấu chi số 05/2020/1878193/HĐTC ngày 08/09/2020 với Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, với giá trị hạn mức thấu chi là 20.000.000.000 đồng. Lãi suất trong hạn 5,75%/năm. Thời hạn thấu chi tối đa 13 ngày. Hình thức đảm bảo tiền vay: Cầm cố Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 976/2020/HDTG-DCTC với Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, lãi suất 5,5%/năm, với giá trị là 40 tỷ đồng, kỳ hạn 367 ngày, ngày đến hạn 26/07/2021 theo Hợp đồng thế chấp số 05/2020/1878193/HĐCC ngày 08/09/2020.

+ Hợp đồng thấu chi số 04/2020/1878193/HĐTC ngày 29/07/2020 với Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, với giá trị hạn mức thấu chi là 28.000.000.000 đồng. Lãi suất trong hạn 5,75%/năm. Thời hạn thấu chi tối đa 33 ngày. Hình thức đảm bảo tiền vay: Cầm cố Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 976/2020/HDTG-DCTC với Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, lãi suất 5,5%/năm, với giá trị là 40 tỷ đồng, kỳ hạn 367 ngày, ngày đến hạn 26/07/2021 theo Hợp đồng thế chấp số 04/2020/1878193/HĐCC ngày 29/07/2020.

+ Hợp đồng thấu chi số 03/2020/1878193/HĐTC ngày 19/05/2020 với Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, với giá trị hạn mức thấu chi 35.100.000.000 đồng. Lãi suất trong hạn là 8,6%/năm. Thời hạn thấu chi tối đa là 48 ngày. Hình thức đảm bảo tiền vay: Cầm cố Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2020/1878193/HĐTG với Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Chánh, lãi suất là 6,6% với giá trị là 39 tỷ đồng, kỳ hạn 6 tháng, ngày đến hạn là 06/07/2020 theo Hợp đồng thế chấp số 03/2020/1878193/HĐCC ngày 19/05/2020.

**17. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	45.818.282	5.451.952
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)	34.881.111	39.721.404
Cộng	<u>80.699.393</u>	<u>45.173.356</u>

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	46.818.181	-
Thuế Thu nhập cá nhân	106.177.086	37.901.780
Cộng	<u>152.995.267</u>	<u>37.901.780</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Điều chỉnh số tiền dư theo thông báo từ BHXH Quận 1	26.676.273	30.072.306
Phải trả phải nộp khác	6.330.205	1.900
<b>Cộng</b>	<b>33.006.478</b>	<b>30.074.206</b>

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cổ đông	Tại 31/12/2020		Tại 01/01/2020	
	Số vốn thực góp	Tỷ lệ	Số vốn thực góp	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Văn Cự	104.262.000.000	26,07%	104.262.000.000	26,07%
Bà Nguyễn Thị Minh Kỳ	58.868.300.000	14,72%	58.868.300.000	14,72%
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	51.825.000.000	12,96%	51.825.000.000	12,96%
Bà Trần Thị Bông	70.000.000	0,02%	70.000.000	0,02%
Ngân hàng TMCP Nam Á	44.000.000.000	11,00%	44.000.000.000	11,00%
Ông Huỳnh Văn Thọ	30.000.000.000	7,50%	30.000.000.000	7,50%
Bà Phan Thị Yên Hà	42.125.000.000	10,53%	42.125.000.000	10,53%
Các cổ đông khác	68.849.700.000	17,20%	68.849.700.000	17,21%
<b>Cộng</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**20.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400.000.000.000	400.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	400.000.000.000	400.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**20.3 CỐ PHIẾU**

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.000.000	40.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.000.000	40.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**20.4 LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI PHÁT SINH TRONG NĂM**

	Năm 2020	Năm 2019
	Số tăng/(giảm)	Số tăng/(giảm)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Trích quỹ đầu tư dự phòng tài chính	-	-
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-
- Trích quỹ khen thưởng	-	-
- Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế tăng trong năm	31.128.518.981	3.094.771.453
Lợi nhuận đã thực hiện	7.237.420.532	10.880.784.433
Lợi nhuận chưa thực hiện	23.891.098.449	(7.786.012.980)
<b>Cộng</b>	<b>31.128.518.981</b>	<b>3.094.771.453</b>

**21. NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ**

STT	Đối tượng	Tại 31/12/2020	Từ 01/01/2020
		VND	VND
1	Lê Thị Thu Hương	231.826.917	231.826.917
2	Lại Danh Dương	806.108.430	806.108.430
	<b>Cộng</b>	<b>1.037.935.347</b>	<b>1.037.935.347</b>

**22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CTCK**

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	35.104.160.000	35.106.720.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	-	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	-	-
<b>Cộng</b>	<b>35.104.160.000</b>	<b>35.106.720.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CTCK**

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	40.000	40.000
<b>Cộng</b>	<b>40.000</b>	<b>40.000</b>

**24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	207.275.390.000	316.921.010.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	861.740.000	1.717.220.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	473.206.880.000	433.831.880.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	460.452.720.000	460.452.720.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	17.334.400.000	1.340.900.000
<b>Cộng</b>	<b>1.159.131.130.000</b>	<b>1.214.263.730.000</b>

**25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	23.377.540.000	14.258.210.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	-	-
<b>Cộng</b>	<b>23.377.540.000</b>	<b>14.258.210.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**26. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	Tại 31/12/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	30.340.381.784	4.146.780.449
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước	30.337.458.133	4.143.777.263
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	2.923.651	3.003.186
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức NHTM quản lý	-	-
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	-	-
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	43.831.788.200	697.131.200
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước	43.831.788.200	697.131.200
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
<b>Cộng</b>	<b>74.172.169.984</b>	<b>4.843.911.649</b>

**27. TIỀN GỬI CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN**

	Tại 31/12/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
Phải trả về Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	95.000	-
<b>Cộng</b>	<b>95.000</b>	<b>-</b>

**28. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ**

	Tại 31/12/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	30.340.381.784	4.146.780.449
- Nhà đầu tư trong nước	30.337.458.133	4.143.777.263
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	2.923.651	3.003.186
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức NHTM quản lý	-	-
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	43.831.788.200	697.131.200
- Nhà đầu tư trong nước	43.831.788.200	697.131.200
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
Phải trả khác của Nhà đầu tư	-	-
<b>Cộng</b>	<b>74.172.169.984</b>	<b>4.843.911.649</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**29. PHẢI TRẢ TÓ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN**

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Phải trả về Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	95.000	-
<b>Cộng</b>	<b>95.000</b>	<b>-</b>

**30. PHẢI TRẢ VAY CTCK CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Phải trả nghiệp vụ margin	4.101.124.136	3.501.069.396
- Phải trả gốc margin (Nhà đầu tư trong nước)	4.090.312.970	3.455.980.612
- Phải trả lãi margin (Nhà đầu tư trong nước)	10.811.166	45.088.784
Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	1.070.870.012	1.599.013.266
- Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán (Nhà đầu tư trong nước)	1.070.870.012	1.599.013.266
- Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán (Nhà đầu tư trong nước)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.171.994.148</b>	<b>5.100.082.662</b>

**31. PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VỀ DỊCH VỤ CHO CTCK**

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Phải trả phí môi giới chứng khoán	66.609.855	3.172.072
<b>Cộng</b>	<b>66.609.855</b>	<b>3.172.072</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**

Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***32. LÃI, LỖ BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm 2020	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm 2019
		VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết			5.238.300	2.706.869	2.531.431	
Các cổ phiếu bán lãi			4.517.000	1.431.722	3.085.278	
<i>HAX</i>	10,00	11.900	119.000	47.625	71.375	-
<i>DMC</i>	10,00	51.700	517.000	155.455	361.545	-
<i>CLC</i>	10,00	27.000	270.000	118.385	151.615	-
<i>HPG</i>	50,00	26.300	1.315.000	557.578	757.422	-
<i>TNA</i>	20,00	17.500	350.000	151.429	198.571	-
<i>VIC</i>	20,00	97.300	1.946.000	401.250	1.544.750	-
Các cổ phiếu bán lỗ			721.300	1.275.147	(553.847)	
<i>BMC</i>	10,00	12.000	120.000	158.000	(38.000)	-
<i>MAC</i>	100,00	4.600	460.000	768.898	(308.898)	-
<i>TS4</i>	10,00	2.860	28.600	159.400	(130.800)	-
<i>VPH</i>	10,00	4.120	41.200	108.182	(66.982)	-
<i>VTO</i>	10,00	7.150	71.500	80.667	(9.167)	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-	16.356.468.860
+ Công ty CP Thời Trang Việt	-	-	-	-	-	(1.315.625.000)
+ Công ty CP Du lịch Tiến Lợi	-	-	-	-	-	6.000.000.000
+ Cty CP Đầu tư Phát triển Đô Thị Gia Phú	-	-	-	-	-	11.672.093.860
<b>Cộng</b>			<b>5.238.300</b>	<b>2.706.869</b>	<b>2.531.431</b>	<b>16.356.468.860</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**

Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***33. CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kê toán VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại 31/12/2020 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại 01/01/2020 VND	Chênh lệch điều chỉnh năm 2020 VND
I	Loại FVTPL	56.504.579.346	59.610.962.590	3.106.383.244	(20.784.715.205)	23.891.098.449
1	Cổ phiếu niêm yết	56.504.579.346	59.610.962.590	3.106.383.244	(20.784.715.205)	23.891.098.449
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-
II	Loại HTM	-	-	-	-	-
III	Loại các khoản cho vay và phải thu	5.161.182.982	4.751.680.373	(409.502.609)	(1.057.111.612)	647.609.003
	Các khoản cho vay hoạt động Margin	4.090.312.970	3.680.810.361	(409.502.609)	(1.057.111.612)	647.609.003
	Các khoản cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	1.070.870.012	1.070.870.012	-	-	-
IV	Loại AFS	-	-	-	-	-
	Cộng	<u>61.665.762.328</u>	<u>64.362.642.963</u>	<u>2.696.880.635</u>	<u>(21.841.826.817)</u>	<u>24.538.707.452</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**34. CỐ TỨC VÀ TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL, HTM, AFS**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	185.549.874	182.099.629
Từ tài sản tài chính HTM	11.569.911.143	11.266.933.498
Từ các khoản cho vay và phải thu	170.732.269	570.371.519
Từ AFS	-	-
<b>Cộng</b>	<b>11.926.193.286</b>	<b>12.019.404.646</b>

**35. DOANH THU NGOÀI THU NHẬP TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	986.046.593	1.653.808.981
Doanh thu hoạt động tư vấn	1.008.225.595	241.420.999
Doanh thu hoạt động lưu ký	1.414.796.187	666.792.432
Thu nhập hoạt động khác	15.700.010	26.845.043
<b>Cộng</b>	<b>3.424.768.385</b>	<b>2.588.867.455</b>

**36. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	1.678.889.019	2.733.284.633
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng		
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	417.068.709	543.709.417
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	621.569.279	842.820.538
Chi phí trả hộ gốc, lãi trái phiếu và cổ tức cho Tổ chức phát hành	816.855	1.303.809
<b>Cộng</b>	<b>2.718.343.862</b>	<b>4.121.118.397</b>

**37. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	26.128.325	32.445.864
Doanh thu lãi tiền gửi quỹ hỗ trợ thanh toán	262.736.471	222.770.210
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.818.500.000	3.703.336.000
<b>Cộng</b>	<b>3.107.364.796</b>	<b>3.958.552.074</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**38. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	680.153.150	1.439.342.466
Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(128.446.860)	(555.932.213)
<b>Cộng</b>	<b>551.706.290</b>	<b>883.410.253</b>

**39. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.194.762.213	5.308.182.003
Chi phí vật liệu, bao bì	59.329.229	109.487.670
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	261.685.612	346.322.973
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.905.236.978	1.511.446.800
Chi phí thuế, phí và lệ phí	4.346.444	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.871.010.296	3.809.247.852
Chi phí bằng tiền khác	591.662.826	1.220.007.517
<b>Cộng</b>	<b>10.888.033.598</b>	<b>12.307.694.815</b>

**40. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thanh lý Công cụ dụng cụ	5.700.000	2.000.000
Thu nhập từ nộp thừa bảo hiểm	94.338.750	-
<b>Cộng</b>	<b>100.038.750</b>	<b>2.000.000</b>

**41. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Phí thi hành án chuyển nhượng cổ phần	220.001.369	-
Chi phí nộp phạt vi phạm hành chính	-	125.000.000
Chi phí khác	-	1.877.124
<b>Cộng</b>	<b>220.001.369</b>	<b>126.877.124</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**42. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.128.518.981	3.094.771.453
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(37.343.092.143)	10.546.398.867
- Các khoản điều chỉnh tăng	19.368.864.034	19.929.940.817
Chi phí không được trừ	381.795.906	486.714.874
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	9.027.109.613
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	18.987.068.128	10.416.116.330
- Các khoản điều chỉnh giảm	(56.711.956.177)	(9.383.541.950)
Cổ tức nhận được	(2.998.789.600)	(3.853.737.000)
Dự phòng phải thu hoàn nhập	(10.835.000.000)	(2.899.701.600)
Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	(42.878.166.577)	(2.630.103.350)
Chuyển lỗ các năm	-	(13.641.170.320)
Tổng thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp trong năm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

**43. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	31.128.518.981	3.094.771.453
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	31.128.518.981	3.094.771.453
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	40.000.000	40.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	778	77

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**44. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch với các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Cổ đông lớn, Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	222.541.000.000	27.479.000.000
		Hoàn ứng	222.541.000.000	27.479.000.000
Ông Huỳnh Văn Tốt	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	9.142.411.000	713.900.000
		Hoàn ứng	9.142.411.000	713.900.000
Bà Trần Thị Bông	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	95.000.000	23.000.000
		Hoàn ứng	95.000.000	23.000.000
Bà Nguyễn Thị Thảo	Giao dịch lớn	Ứng trước	-	-
		Hoàn ứng trước	-	63.310.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Cổ đông lớn, Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Ứng trước	-	12.000.000.000
		Hoàn ứng trước	-	12.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt	Giao dịch lớn	Vay	-	2.000.000.000
		Trả nợ vay	-	42.000.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	1.368.918.653	1.513.019.000
<b>Cộng</b>	<b>1.368.918.653</b>	<b>1.513.019.000</b>

**45. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

**Cam kết thuê hoạt động**

Công ty thuê văn phòng tại số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa để làm Văn phòng làm việc. Theo đó, các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện cam kết phải trả cho việc thuê trụ sở kinh doanh tại địa chỉ số 55, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh căn cứ theo Hợp đồng thuê văn phòng số 0109/2019/HĐT/VESCO - BETA ngày 01/09/2019, Phụ lục 01 Tiện ích và chi phí tiện ích với Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Việt và Phụ lục số 02 ngày 29/05/2020 về thỏa thuận về tiền đặt cọc. Theo đó, căn cứ Hợp đồng thuê nhà số 0109/2019/HĐT/VESCO - BETA ngày 01/09/2019, thời hạn thuê tính từ ngày 01/09/2019 đến hết ngày 30/09/2033, cụ thể như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**45. CÁC KHOẢN CAM KẾT (TIẾP)**

**Cam kết thuê hoạt động (tiếp)**

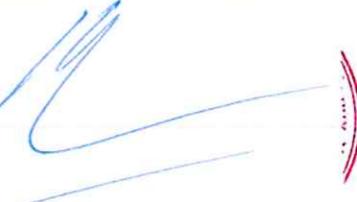
	Tại 31/12/2020	Từ 01/01/2020
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	660.000.000	660.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.640.000.000	2.640.000.000
Từ năm thứ năm trở đi đến hết thời hạn thuê	5.060.000.000	5.720.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.360.000.000</b>	<b>9.020.000.000</b>

**46. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán.

  
Nguyễn Gia Huy  
Người lập biểu

  
Đỗ Thị Thanh Hoa  
Kế toán trưởng

  
Hoàng Thanh Bình  
Tổng Giám đốc  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2021

